Chi tiết mã HS 3824.84.00

Mã HS	3824.84.00
Mô tả hàng hóa	Chất gắn đã điều chế dùng cho các loại khuôn đúc hoặc lõi đúc; các sản phẩm và chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc các ngành công nghiệp có liên quan (kể cả các sản phẩm và chế phẩm chứa hỗn hợp các sản phẩm tự nhiên), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Hàng hóa đã nêu trong Chú giải phân nhóm 3 của Chương này: / - - Chứa aldrin (ISO), camphechlor (ISO) (toxaphene), chlordane (ISO), chlordecone (ISO), DDT (ISO) (clofenotane (INN), 1,1,1-trichloro-2,2-bis(p-chlorophenyl)ethane), dieldrin (ISO, INN), endosulfan (ISO), endrin (ISO), heptachlor (ISO) hoặc mirex (ISO))
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 17:25:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38248400/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5510
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5510
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5510
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ5510
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP5510
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS5510

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5378
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5339
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5339
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5339
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5339
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5339
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5339
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5383
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5383
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5383
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5383

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5383
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5383
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5381
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5381
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5381
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5381
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5381
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5381
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5383
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5345
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5341
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5341
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5341
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5341
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5341
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5341
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5350
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5350
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5350
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5350
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5350
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5350
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5391
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5391
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5391
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5391

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5391
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5391
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5392
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5392
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5392
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5392
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5392
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5392
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5395
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5395
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5395
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5395
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5395
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5395
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5364
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5364
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5364
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5364
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5364
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5364
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5366
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5366
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5366
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5366
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5366
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5366

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5364
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5364
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5364
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5364
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5364
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5364
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5364
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5385
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5385
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5385
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5385
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5385
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5385
RCEP B	2022	2022	0	B!D5385
RCEP B	2023	2023	0	B!E5385
RCEP B	2024	2024	0	B!F5385
RCEP B	2025	2025	0	B!G5385
RCEP B	2026	2026	0	B!H5385
RCEP B	2027	2027	0	B!I5385
RCEP C	2022	2022	0	C!D5385
RCEP C	2023	2023	0	C!E5385
RCEP C	2024	2024	0	C!F5385
RCEP C	2025	2025	0	C!G5385
RCEP C	2026	2026	0	C!H5385
RCEP C	2027	2027	0	C!I5385
RCEP D	2022	2022	0	D!D5385

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5385
RCEP D	2024	2024	0	D!F5385
RCEP D	2025	2025	0	D!G5385
RCEP D	2026	2026	0	D!H5385
RCEP D	2027	2027	0	D!I5385
RCEP E	2022	2022	0	E!D5388
RCEP E	2023	2023	0	E!E5388
RCEP E	2024	2024	0	E!F5388
RCEP E	2025	2025	0	E!G5388
RCEP E	2026	2026	0	E!H5388
RCEP E	2027	2027	0	E!I5388
RCEP F	2022	2022	0	F!D5385
RCEP F	2023	2023	0	F!E5385
RCEP F	2024	2024	0	F!F5385
RCEP F	2025	2025	0	F!G5385
RCEP F	2026	2026	0	F!H5385
RCEP F	2027	2027	0	F!I5385
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4954
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4954
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4954
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4954

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3824.84.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3824.84.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5510), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.